TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Ông Vũ Văn Lẫy

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Việt Anh - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Đô, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 553/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 626/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Đức C; nơi cư trú: Tổ 4, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên toà có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị L; nơi cư trú: Tổ 4, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Đức C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 1990. Sau khi kết hôn, anh và chị L về sống chung tại Tổ 4 phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc. Nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, vợ chồng thiếu tôn trọng nhau. Đến nay anh không còn

tình cảm với chị L, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng và trầm trọng, không thể đoàn tụ được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là Nguyễn Phương T, sinh năm 1991 và Nguyễn Ngô Minh H, sinh năm 1996. Cả hai con chung của anh chị đều đã trưởng thành và có khả năng tự nuôi mình do vậy vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử về cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh Nguyễn Đức C được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.Về con chung và về tài sản chung do anh C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, buộc anh C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị L là bị đơn, hiện cư trú tại Tổ 4, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân quận Kiến An đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Nguyễn Thị L không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L. Anh Nguyễn Đức C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là anh Nguyễn Đức C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng ngày 30 tháng 11 năm 1990. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp

được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào lời khai của anh Nguyễn Đức C và các tài liệu có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Thị L trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C, chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức C là phù hợp pháp luật và thực tế vụ kiện, được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Đức C và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là Nguyễn Phương T, sinh năm 1991 và Nguyễn Ngô Minh H, sinh năm 1996. Cả hai con chung của anh chị đều đã trưởng thành và có khả năng tự nuôi mình, do vậy vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Đức C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đức C ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007500 ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, anh Nguyễn Đức C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức C, chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND xã T, huyện A,
thành phố Hải Phòng (ĐKHK ngày 30/11/1990);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thông